

目から鱗！これがニッポンの当たり前？

Mở mang tầm mắt! Đó là điều đương nhiên ở Nhật?

皆さんはスーパーで食材を買うときや洗剤などの日用品を買うとき、値段を見ているでしょうか？今(2022年10月現在)、日本では物の値段が高くなっています。実際に、消費者物価指数(物の値段の上昇率を示す指標)はここ数ヶ月急激な上昇傾向になっており、お金の管理がますます重要になっています。日本人は昔からお金の管理を大事にしてきました。今月は日本の家計管理について知って、皆さんの生活を今一度、見直してみましよう。

Các bạn khi đi siêu thị mua đồ thực phẩm hay những đồ dùng hàng ngày như bột giặt, nước rửa chén hay nhìn giá không ạ? Hiện nay (tháng 10 năm 2022), vật giá ở Nhật đã trở nên cao lên. Thực tế là chỉ số giá cả tiêu dùng (con số thể hiện tỉ lệ tăng lên của vật giá) những tháng gần đây có xu hướng tăng cao, do đó việc quản lý tiền ngày càng trở nên quan trọng. Người Nhật ngay từ xưa đã coi việc quản lý tiền là điều quan trọng. Tháng này chúng ta cùng biết về quản lý kế toán gia đình của Nhật, và các bạn hãy thử một lần xem lại sinh hoạt của mình nhé.

日本人のお金の管理のヒミツ！！

Bí mật trong việc quản lý tiền của người Nhật

家計簿とは？ Sổ kế toán gia đình

日本人はお金を管理する際に、日本発祥のツールである「家計簿」を使用することがあります。

Người Nhật khi quản lý tiền thường sử dụng “sổ kế toán gia đình” một công cụ tuyệt vời của Nhật.

【家計簿に書く内容】

Nội dung viết trong sổ kế toán gia đình

・収入: 手に入る(予定)お金のこと。

Thu nhập: số tiền có được trong tay (dự kiến)

例: 給料など。Ví dụ như tiền lương.

・支出: 使った(使う予定)お金のこと。

Chi tiêu: số tiền đã sử dụng (hoặc dự định dùng)

例: 食費、送金代など。Ví dụ như tiền ăn, tiền gửi về.

収入の合計より支出の合計が多くなると、お金が減るもしくは足りない状態です。反対に、支出の合計より収入の合計が多くなると、お金を貯めることができます。

Nếu tổng số thu nhập mà ít hơn tổng số chi tiêu thì có nghĩa tiền bị thiếu đi. Ngược lại nếu tổng thu nhập nhiều hơn chi tiêu thì có thể tiết kiệm tiền được.

家計簿は100年以上の歴史があり、当時は「忙しい女性が、簡単にお金のやり繰りをする助けになるように」と発案されました。

背景には、当時の日本は、女性が家族全員のお金の管理を行っていたことに加え、社会進出が進んだことにより、やらなければならないことが増えたから。また、現在の日本では長く暮らすためにはたくさんの貯金が必要な点も、家計簿が使われる理由です。

日本人は平均寿命が長く、仕事を辞めてからの生活をしていく時間が長いため、少なくとも老後の資金として2,000万円以上貯金しなければならないのだと言われています。

このようなことから、昔から現在に至るまで、日本人はお金のやり繰りを非常に大事にしていることがわかります。

Sổ kế toán gia đình của Nhật đã có lịch sử hơn 100 năm nay, hồi đó sổ này được đưa ra vì “với người phụ nữ bận rộn thì cũng có thể làm tính toán tiền dễ dàng”.

Bối cảnh là, Nhật Bản thời đó, người phụ nữ cùng với việc thực hiện quản lý tiền cho cả gia đình còn tham gia các hoạt động xã hội, vì vậy việc phải làm tăng lên nhiều. Hơn nữa, hiện nay ở Nhật để sống được lâu thì cần nhiều tiền tiết kiệm, đó là lý do sổ kế toán gia đình được sử dụng.

Người Nhật với tuổi thọ trung bình cao hơn lên thì cuộc sống sau khi về hưu dài hơn ra, do đó người ta nói số tiền cần thiết cho cuộc sống về già phải tiết kiệm trên 20 triệu yên. Từ những điều như vậy mà từ xưa tới giờ, ta thấy người Nhật rất coi trọng việc tính toán sử dụng tiền.

外国人の皆さんもお金の管理をするメリットはもちろんあります。それは、皆さんがお金を貯める手助けになることです。

皆さんは、「家族のために家を建てたい」「母国または日本でビジネスを興したい」といった大きな夢を持って日本に来ていると思います。そのためには、日本でたくさんお金を稼ぐだけでなく、お金を貯める必要があるのです。

実際に、お金を貯めるための大きなポイントは、お金を「見える化」することです。皆さんは、1か月間でどれだけのお金を食べ物に使っているか、日用品に使っているかを把握しているでしょうか。お金を何にどのくらい使っているかというのは、体感では意外とわからないものです。家計簿に限らず、金額が目に見える形で管理することで、お金の使い方を見直すことができます。

Đối với các bạn người nước ngoài thì quản lý tiền tốt có rất nhiều lợi ích. Nó có thể giúp bạn tiết kiệm được tiền.

Các bạn đến Nhật với ước mơ lớn “muốn xây nhà vì gia đình” hay “muốn thực hiện kinh doanh ở nước nhà hay ở Nhật”. Vì vậy, không chỉ là việc làm ra nhiều tiền ở Nhật mà các bạn còn rất cần làm là tiết kiệm tiền.

Thực tế, điều rất quan trọng để tiết kiệm tiền là “việc nhìn thấy rõ” số tiền đó. Các bạn có nắm được việc mình dùng bao nhiêu tiền cho việc ăn uống trong một tháng, và dùng bao nhiêu cho đồ dùng hàng ngày không. Điều không ngờ tới là tiền được dùng bao nhiêu vào cái gì không thể cảm nhận vật lý được. Do đó, không chỉ là sổ kế toán gia đình mà với việc quản lý tiền ta phải nhìn thấy được thì ta mới có thể xem xét lại cách sử dụng nó được.

皆さん、お金の使い方は問題ないでしょうか？

Các bạn có gặp vấn đề gì trong việc sử dụng tiền không?

そもそもお金の使い方を気にしていますか？

Mà trước hết là các bạn có chú ý cách sử dụng tiền của mình không?

最初は、家計簿のようにきっちり管理する必要はありません。外食した際にいくら使ったか、母国にいくら送金したかメモを取る。皆さんも、こういったちょっとしたことから少しずつお金の管理を始めてみましょう！

Ban đầu không cần thiết phải quản lý thật chặt chẽ như sổ kế toán gia đình. Bạn thử ghi chép là khi đi ăn ở ngoài bạn đã dùng bao nhiêu tiền và gửi tiền bao nhiêu về cho gia đình. Các bạn cũng vậy làm được những điều như thế này có thể dần dần bắt đầu quản lý tốt được tiền của mình.

未来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng dẫn tới tương lai.

“敬語”を意識して話すこと

Sử dụng “kính ngữ” khi nói chuyện

みなさんの国の言語には「敬語」がありますか？日本語の敬語には3つの種類があり、会話する相手によって敬語を使い分けます。この3種類の敬語を使い分けることは日本人でも難しいです。敬語を全て理解し使いこなすことはできなくても、会話するときに敬語を意識して話すと良い印象を与えることができます。覚えやすい敬語から少しずつ習得していきましょう。

Ngôn ngữ ở nước các bạn có “kính ngữ” không? Kính ngữ trong tiếng Nhật có 3 loại, tùy theo đối tượng mình nói chuyện với mà chia cách dùng kính ngữ. Việc chia ra dùng 3 loại kính ngữ này với người Nhật cũng rất khó. Dù không hiểu hết cách dùng kính ngữ thì trong hội thoại bạn chú ý để nói sẽ tạo nên ấn tượng rất tốt. Bạn hãy thử chút một với những từ kính ngữ dễ nhớ nhé.

誰に敬語を使う？

Dùng kính ngữ đối với ai?

敬語は、相手に対して尊敬する気持ちを表すための言葉です。基本的には、目上の人や年上の人、初対面の人に対して敬語を使います。しかし、仕事の場面では尊敬の気持ちよりも礼儀やマナーとして敬語を使うことが当たり前になっています。プライベートの場面では、親しいか親しくないかで敬語を使うか使わないかが変わることが多いです。初めて会う人であれば、基本的に年齢に関係なく敬語を使います。反対に、幼いころから付き合いがある幼馴染・親友・家族であれば年上の人でも敬語を使わないこともあるでしょう。親友だと思っている相手から敬語を使われると、距離を感じてしまう人もいます。敬語には親しくない人との話し方にも利用されるからです。

Kính ngữ được dùng để thể hiện sự tôn kính của mình với người khác. Về cơ bản, thường dùng kính ngữ đối với người lớn tuổi, người nhỏ tuổi hơn hay người gặp lần đầu tiên. Nhưng, trong công việc dùng kính ngữ là điều đương nhiên nó thể hiện lễ nghĩa và ứng xử hơn là sự tôn kính. Trong giao tiếp cá nhân, thì mức độ thân thuộc thế nào có nhiều thay đổi tùy theo việc dùng kính ngữ hay không. Với người gặp lần đầu tiên thì về cơ bản sẽ dùng kính ngữ không liên quan đến tuổi tác người mình giao tiếp. Ngược lại, với người bạn chơi từ nhỏ, họ hàng hay gia đình thì dù với người lớn tuổi cũng có thể không dùng kính ngữ. Với người mình nghĩ là thân mà họ dùng kính ngữ thì cũng có người cảm thấy khoảng cách xa ra. Kính ngữ cũng là cách dùng với người không thân quen.

実習の場面ではどのような敬語を使う？

Thực tế dùng kính ngữ như thế nào?

みなさんの職場には、自分よりも年下の人がいるかもしれません。もしその方が「上司」または「先輩」であれば、年下であっても必ず敬語を使いましょう。日本では年齢に関係なく上司や先輩に敬語を使います。上司や先輩は自分よりもその会社で長く仕事をしているため、仕事に関する知識が多く、技術も持っています。会社の中でのマナーとして上司や先輩を敬う気持ちを持ち、常に敬語を使うように意識しましょう。

Nơi làm việc của bạn chắc cũng có người ít tuổi hơn. Nếu người đó là “cấp trên” hay “senpai” thì dù ít tuổi hơn mình, mình vẫn nên dùng kính ngữ nhé. Ở Nhật, với cấp trên hay senpai thì kính ngữ được dùng không phân biệt tuổi tác. Cấp trên và senpai là những người làm việc ở công ty lâu hơn mình, họ có nhiều kiến thức hơn trong công việc và cũng nắm được kỹ thuật. Việc thể hiện sự kính trọng với cấp trên và senpai thì dùng kính ngữ được coi là ứng xử trong công ty, các bạn hãy luôn chú ý dùng kính ngữ nhé.

積極的に敬語を使ってみよう

Tích cực dùng thử kính ngữ

敬語を習得することはとても難しく、話す相手によって敬語を使い分けることはさらに難しいです。しかし、実習生のみなさんが正しい敬語を使うことができると「相手の立場を理解しているんだな」「日本の一般的な常識をしっかり持っているんだな」と相手に良い印象を持ってもらうことができます。また、日本語の敬語は話しづらい内容を伝えるときにも便利です。例えば、誘いを断るときや何かをお願いするときに丁寧な表現を使えば、相手が不快な気持ちにならずに自分の意見を伝えることができます。相手の気持ちを考えた日本語の使い方ができるように少しずつ敬語を勉強していきましょう。

Việc học kính ngữ rất khó, và dùng nó tùy đối tượng người nói chuyện còn khó hơn. Nhưng, các bạn TTS dùng đúng kính ngữ sẽ gây ấn tượng rất tốt “em ấy hiểu được vị thế người khác” hay “em ấy hiểu được điều thông thường ở Nhật”. Hơn nữa, kính ngữ trong tiếng Nhật lại rất tiện lợi khi mình muốn thể hiện điều khó nói ra. Ví dụ, khi muốn từ chối lời mời hay muốn nhờ gì thì dùng từ ngữ thể hiện một cách lịch sự khiêm kính sẽ truyền đạt được tới đối phương mà không gây điều khó chịu. Để dùng tiếng Nhật thể hiện việc quan tâm tới tâm trạng đối phương, thì các bạn hãy học dần kính ngữ nhé.

何よりも Hơn bất cứ điều gì

安全最優先

AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

安全チェックテスト Kiểm tra an toàn

今月はチェックテストで1年を振り返りましょう Qua bài kiểm tra tháng này ta cùng xem xét lại an toàn của một năm nhé

問題 Câu hỏi

1. ○か×で答え、×の場合は理由を説明してください(8点)

Trả lời bằng đánh dấu ○ hay ×, nếu đánh × thì hãy giải thích vì sao (8 điểm)

①2016年から2020年の間に、実習生の労働災害死傷者数は3倍以上に増加した

Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2020, số tai nạn thương vong của TTS tăng lên 3 lần.

②暑い日は作業着の袖をまくって作業をしても良い

Làm việc ngày nắng nóng có thể xắn tay áo trang phục lao động lên cũng được.

③安全に作業するより速く作業する方が大切だ

Thao tác công việc nhanh quan trọng hơn là làm an toàn.

④建設業で最も多い死傷災害の原因は「墜落・転落」だ

Trong ngành xây dựng nguyên nhân tai nạn thương vong nhiều nhất là “rơi ngã và trượt ngã”.

⑤製造機械のトラブルがあったので、自分で解決しようと機械に手をいれた

Do có trục trặc trong máy sản xuất nên đã tự mình cho tay vào máy để xử lý.

⑥指導員の説明が理解できなかったが、急いでいたので「分かりました」と答えた

Tuy không hiểu giải thích của người hướng dẫn, nhưng vì đang vội nên trả lời là “em đã hiểu”.

⑦毎晩SNSなどをしているので寝不足だが作業に支障はないだろう

Hàng đêm sử dụng SNS nên thiếu ngủ nhưng nghĩ chắc không ảnh hưởng gì đến công việc.

⑧実習生が事故を起こしても、会社が責任を負うことはない

Cho dù TTS gây ra tai nạn thì công ty không có trách nhiệm gì cả.

2. 以下の「現場の日本語」と「標識」の意味を教えてください(8点)

Hãy cho biết ý nghĩa của “tiếng Nhật tại công trường” và “biển hiệu” sau (8 điểm)

- ① だめ！ ②とまれ！ ③はいるな！ ④いそげ！

3. 以下の質問に教えてください(8点) Hãy trả lời những câu hỏi sau (8 điểm)

①5Sとは何ですか？(5点) 5S là gì? (5 điểm)

②どんな時に事故が起こると思いますか？ ポイントを二つ教えてください(2点)

Những khi nào thì tai nạn có thể xảy ra? Bạn hãy trả lời 2 ý? (2 điểm)

③事故を予防するために最も大切なことは何だと思いますか？(1点)

Để phòng tránh tai nạn thì theo bạn điều gì là quan trọng nhất? (1 điểm)

解答と説明 ĐÁP ÁN VÀ GIẢI THÍCH

2022年の絆通信「何よりも安全最優先」の(当該月)で確認してください。

Bạn hãy kiểm tra bản tin Kizuna năm 2022 mục “Hơn bất kỳ điều gì AN TOÀN là ưu tiên số 1” theo số hướng dẫn

1. 解答 ĐÁP ÁN

①○:(絆1月号より theo bản tin Kizuna số tháng 1)

②×:作業着や保護具は常に正しく着用する(2、5月号)

Luôn mặc đồ bảo hộ lao động và trang phục lao động đúng cách (số tháng 2, 5)

③× : 安全は何より大切だ(2、11月号) An toàn trên tất cả là điều quan trọng (số tháng 2, 11)

④○ : (4月号 số tháng 4)

⑤× : トラブル時はすぐに機械を止めて指導員に連絡する(5月号)

Khi có trục trặc xảy ra phải dừng máy ngay và liên lạc người hướng dẫn (số tháng 5)

⑥× : 「分からない」ことがあったら必ず確認する(6月号) Khi “không hiểu” phải xác nhận lại (số tháng 6)

⑦× : 寝不足による体調不良で事故がおこることがある(8月号)

Do việc thiếu ngủ mà cơ thể mệt mỏi có thể xảy ra tai nạn (số tháng 8)

⑧× : 実習生の使用人である会社が責任を負うことがある(11月号)

Công ty nơi sử dụng TTS phải chịu trách nhiệm (số tháng 11)

2. 解答 (3月号) Đáp án (số tháng 3)

①してはいけません không được phép làm/よくないです không tốt ②止まってください dừng lại

③入らないでください không được đi vào ④急いでください hãy nhanh lên

⑤入りません không đi vào ⑥上に注意します chú ý trên đầu

⑦注意します chú ý ⑧安全を一番に考えます suy nghĩ an toàn là số 1

3. 解答 Đáp án

①整理 (Seiri Sàng lọc)、整頓 (Seiton Sắp xếp)、清掃 (Seiso Sạch sẽ)

清潔 (Seiketsu Săn sóc)、躰 (Shitsuke Săn sàng) (10月号 số tháng 10)

②危険を軽視したとき、急いでいるとき、経験不足のとき、体調不良のときなど(6月号 số tháng 6)

Khi coi nhẹ nguy hiểm, khi vội vàng, khi không đủ kinh nghiệm hay khi mệt mỏi.

③保護具や作業着を正しく着用する、安全意識を高める、日本語力を高めるなど(11月号 số tháng 11)

Mặc đồ bảo hộ và trang phục lao động đúng cách, nâng cao ý thức an toàn, và nâng cao trình độ tiếng Nhật.

合計 Tổng số 点 / 24 点 điểm

実習生の皆さんへ Gửi bạn TTS

安全が何より大切です！ An toàn vô cùng quan trọng trên mọi thứ!